

Bản án số: 113/2026/HS-PT

Ngày 14 - 4 - 2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Xuân Quang;

Ông Nguyễn Đình Trung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Trung Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 48/2026/TLPT-HS ngày 13 tháng 02 năm 2026; do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đình T, đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 01/2026/HS-ST ngày 06-01-2026 của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Đồng Nai;

1. Bị cáo có kháng cáo: Nguyễn Đình T (tên gọi khác: N), sinh năm 1989 tại Bình Phước (nay là Đồng Nai); Căn cước công dân số 07008900752X; nơi đăng ký thường trú: Ấp C, xã Đ, tỉnh Đồng Nai; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn (văn hóa): 8/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đình T1 và bà Hứa Thị N1; tiền sự: Không;

Tiền án:

- Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 68/2014/HS-ST ngày 21/7/2014, bị Tòa án nhân dân thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước (nay là Tòa án nhân dân khu vực 9 - Đồng Nai) xử phạt 06 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản”; sau đó, T kháng cáo. Tại Bản án hình sự phúc thẩm số: 144/2014/HSPT ngày 19/11/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước (nay là Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai),

sửa bản án sơ thẩm, xử phạt bị cáo 06 tháng tù cho hưởng án treo; đến nay, bị cáo vẫn chưa đóng án phí.

- Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 90/2020/HS-ST ngày 12/11/2020, bị Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh), xử phạt 16 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản” thuộc trường hợp “tái phạm”. Đến nay, T vẫn chưa đóng án phí.

Nhân thân:

- Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 37/2016/HS-ST ngày 26/4/2016, bị Tòa án nhân dân thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước (nay là Tòa án nhân dân khu vực 9 - Đồng Nai), xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Tổng hợp hình phạt án treo của Bản án hình sự phúc thẩm số: 144/2014/HS-PT ngày 19/11/2014, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung là 01 năm tù giam; bị cáo đã chấp hành xong.

- Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 121/2016/HS-ST ngày 14/12/2016, bị Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước (nay là Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đồng Nai), xử phạt 09 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản”. Tổng hợp hình phạt với Bản án hình sự sơ thẩm số: 37/2016/HSST ngày 26/4/2016, buộc T phải chấp hành hình phạt chung là 01 năm 09 tháng tù giam; bị cáo đã chấp hành xong.

Bị cáo bị bắt quả tang, tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/5/2025 cho đến nay; có mặt tại phiên tòa.

2. *Người đại diện theo pháp luật của bị cáo Nguyễn Đình T:* Nguyễn Đình T1, sinh năm 1962 và bà Hứa Thị N1, sinh năm 1962; địa chỉ: Ấp C, xã Đ, tỉnh Đồng Nai; vắng mặt tại phiên tòa.

3. *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Đình T:* Ông Nguyễn Ghi K - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm T4; có mặt tại phiên tòa.

4. *Ngoài ra, vụ án còn có bị cáo Phùng Văn T2 và những người tham gia tố tụng khác, không có kháng cáo, không có kháng nghị, Tòa án không triệu tập.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nội dung chính:

Nguyễn Đình T đang có tiền án thuộc trường hợp “tái phạm” về tội “trộm cắp tài sản”. Nguyễn Đình T và Phùng Văn T2 đã 02 lần, cùng thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác, cụ thể như sau:

Lần thứ Nhất: Vào khoảng 09 giờ 00 phút ngày 21/5/2025, Nguyễn Đình T đến nhà Phùng Văn T2, để đòi tiền nhưng T2 không có tiền trả. T điều khiển xe mô tô Wave, màu xanh, biển số 60L1-2470 chở T2 đi theo đường từ ngã tư S đi hướng lên xã T (cũ), xem nhà nào có tài sản thì chiếm đoạt. Khi đi ngang nhà bà Đoàn Thị Tuyết H, thuộc ấp P, xã Đ, tỉnh Đồng Nai, thấy không có ai ở nhà, nên T2 và T dừng xe rồi cả hai đi bộ vào nhà; T đi vào bên trong nhà thì nhìn thấy trên bàn gỗ, cách cánh cửa ra vào khoảng 03m có 01 điện thoại di động Iphone 8 Plus, màu Gold nên cầm nhét vào túi, rồi đi ra vẫy tay ra hiệu cho T2 đang đứng ở sân đi về, còn T2 không lấy được gì. T chở T2 đi ra đường được khoảng 50m thì T lấy điện thoại ra và nói với Tiếp đây là điện thoại mới trộm được; sau đó, T đưa điện thoại, T2 cầm đi đến tiệm điện thoại “Tùng Phụng” thuộc khu phố X, phường B, tỉnh Đồng Nai do ông Lê Thanh T3 làm chủ và bán với giá 1.000.000 đồng. Tiếp và T chia nhau tiêu xài hết.

Lần thứ Hai: Vào khoảng 10 giờ 00 phút ngày 22/5/2025, Nguyễn Đình T điều khiển xe mô tô Wave, màu xanh, biển số 60L1-2470 đi công việc riêng tại xã Đ, huyện Đ thì gặp Phùng Văn T2. Tiếp rủ T cùng đi xem nhà nào có tài sản thì trộm bán lấy tiền tiêu xài thì T đồng ý. T điều khiển xe chở T2 đi dọc theo quốc lộ A qua nhà của anh Trần Văn M tại Tổ I, khu phố T, phường C, tỉnh Đồng Nai thì nhìn thấy nhà không khóa cửa, nên T dừng xe lại đứng ngoài cho T2 vào trong nhà kiểm tra tài sản. Tiếp vào trong nhà thì nhìn thấy anh M không mặc áo, đang nằm ngủ trên võng ở giữa nhà, trên ngực anh M có đặt 01 điện thoại di động Iphone 14 Promax, màu trắng; Tiếp đi lại gần dùng tay phải cúi xuống lấy điện thoại và đưa qua tay trái đút vào túi quần bên trái đang mặc rồi nhanh chóng đi ra ngoài. Khi T2 đi gần đến chỗ T thì anh M thức dậy không thấy điện thoại đâu nên đuổi theo T2 và hỏi: “*bọn mày vào đây rồi điện thoại tao đâu*”; nghe vậy, T2 móc từ trong túi quần ra chiếc điện thoại vừa chiếm đoạt được trả cho anh M rồi bỏ chạy. T thấy vậy cũng điều khiển xe chạy theo chở T2; anh M đuổi theo cùng với người dân bắt và giao cho Công an phường.

2. Vật chứng vụ án:

- 01 điện thoại di động của anh Trần Văn M;
- 01 mũ bảo hiểm, 01 áo khoác và tiền mặt 250.000 đồng của bị cáo Phùng Văn T2.
- 01 máy cắt cầm tay; 01 điện thoại di động; tiền mặt 1.050.000 đồng; 01 xe mô tô biển số 60L1-2470 của bị cáo Nguyễn Đình T.
- 01 điện thoại di động của anh Lê Thanh T3.

- 01 USB nhãn hiệu KINGSTON DT101 G2 4GB lưu trữ 01 tập tin video có thời lượng 06 phút 26 giây (ký hiệu A1); 01 USB nhãn hiệu LEXAR 32GB lưu trữ 02 tập tin video có thời lượng 04 phút 01 giây (ký hiệu A2) và 06 phút 08 giây (ký hiệu A3); 01 USB nhãn hiệu LEXAR 32GB lưu trữ 02 tập tin video có thời lượng 05 phút 32 giây (ký hiệu A4) và 04 phút 36 giây (ký hiệu A5); 01 USB nhãn hiệu KINGSTON 64GB lưu trữ 01 tập tin video có thời lượng 05 phút 35 giây (ký hiệu A6) (tất cả đã được niêm phong) ghi lại diễn biến vụ việc.

3. Định giá - Giám định:

3.1. *Kết luận định giá tài sản số: 23/KL-HĐĐGTS ngày 20/6/2025 của Hội đồng Định giá tài sản tố tụng hình sự huyện Đ, kết luận:* 01 điện thoại di động; nhãn hiệu Apple; chủng loại Iphone 8 Plus; màu Gold (đã qua sử dụng), tại thời điểm bị chiếm đoạt trị giá 1.800.000 đồng.

3.2. *Kết luận định giá tài sản số: 24/KL-HĐĐGTS ngày 27/5/2025 của Hội đồng Định giá tài sản thường xuyên trong tố tụng hình sự thị xã C, kết luận:* 01 điện thoại di động Iphone 14 Promax, loại 128GB có kèm ốp lưng trong suốt và 01 phôi sim, tại thời điểm bị chiếm đoạt trị giá 17.125.000 đồng.

3.3 *Kết luận giám định pháp y tâm thần theo trung cầu số: 5753/KLGD ngày 13/8/2025 của Trung tâm Pháp y tâm thần khu vực Thành phố H - Bộ Y kết luận đối với Nguyễn Đình T, như sau:*

- “Về y học: Trước, trong, sau thời điểm phạm tội ngày 22/5/2025 cho đến hiện tại đối tượng Nguyễn Đình T bị bệnh tâm thần.

- Loại bệnh: Các rối loạn nhân cách và hành vi thực tổn/Động kinh (F07.8/G40-ICD10).

- Về khả năng nhận thức và điều khiển hành vi: Trước, trong, sau thời điểm phạm tội ngày 22/05/2025 cho đến hiện tại đối tượng Nguyễn Đình T hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.”

3.4. *Kết luận giám định số: 1730/KL-KTHS ngày 30/9/2025 của Phòng K1 - Công an tỉnh Đ, kết luận:* “Không tìm thấy dấu vết cắt, ghép, chỉnh sửa nội dung hình ảnh trong 06 (sáu) tập tin video mẫu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A6.”

3.5. *Kết luận giám định số: 1488/KL-KTHS ngày 18/8/2025 của Phòng K1 - Công an tỉnh Đ, kết luận đối với xe mô tô:* Hiệu: Wave, màu sơn: Xanh; biển số: 60L1-2470: Số khung hiện tại: VAVDCH0G4AV004144 là số nguyên thủy. Số máy hiện tại: 007745 đã bị mài mòn đục lại, không xác định được số nguyên thủy.

4. Quyết định của cấp sơ thẩm:

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 01/2026/HS-ST ngày 06-01-2026 của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Đồng Nai, đã quyết định như sau:

- Tuyên bố bị cáo Phùng Văn T2 phạm tội “Trộm cắp tài sản”, theo khoản 1 Điều 173; bị cáo Nguyễn Đình T phạm tội “Trộm cắp tài sản”, theo điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Xử phạt bị cáo Phùng Văn T2 08 (tám) tháng tù; xử phạt bị cáo Nguyễn Đình T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp, án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo.

5. Kháng cáo:

Bị cáo Nguyễn Đình T kháng cáo đề nghị giảm nhẹ hình phạt và nhận lại chiếc xe mô tô hiệu Wave, màu xanh, biển số 60L1-2470 của bị cáo.

6. Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm:

Kiểm sát viên đã đánh giá, phát biểu quan điểm xử lý vụ án; xác định cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Đình T phạm tội “Trộm cắp tài sản”, theo điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng người và đúng tội. Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và nhận lại chiếc xe nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo; do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

7. Quan điểm của người bào chữa:

Về tội danh và khung hình phạt thống nhất như bản án sơ thẩm đã xác định. Về hình phạt cấp sơ thẩm quyết định đối với bị cáo là quá nặng; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo bị bệnh, các tình tiết giảm nhẹ, để chấp nhận kháng cáo, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tội danh:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Đình T đã thừa nhận hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã nêu. Cùng với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đủ cơ sở xác định Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản”, định khung “tái phạm nguy hiểm”, theo điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm

2017) là có căn cứ và đúng pháp luật.

[2] Về kháng cáo:

2.1. Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bị cáo phạm tội 02 lần trở lên. Áp dụng điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

2.2. Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Cấp sơ thẩm xác định: Phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; thành khẩn khai báo trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử; là người bị hạn chế khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi. Áp dụng điểm h, q, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Tại cấp phúc thẩm: Không có tình tiết mới.

2.3. Về hình phạt và biện pháp ngăn chặn:

Với lý lịch và nhân thân nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá và quyết định hình phạt là phù hợp. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo kháng cáo đề nghị giảm nhẹ hình phạt nhưng không cung cấp được tình tiết nào mới nên không có căn cứ chấp nhận; đối với yêu cầu nhận lại chiếc xe mô tô là phương tiện phục vụ cho việc phạm tội của bị cáo, việc cấp sơ thẩm tuyên tịch thu sung vào công quỹ Nhà nước là phù hợp, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo.

Tiếp tục tạm giam bị cáo theo quyết định tạm giam của Hội đồng xét xử, để đảm bảo thi hành án.

[3] Về án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Chấp nhận quan điểm của Kiểm sát viên; không chấp nhận quan điểm của người bào chữa.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đình T; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 01/2026/HS-ST ngày 06-01-2026 của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Đồng Nai;

1. Tội danh và hình phạt:

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm h, q, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt Nguyễn Đình T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 22/5/2025.

2. Về biện pháp ngăn chặn:

Căn cứ khoản 3 Điều 347 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tiếp tục tạm giam bị cáo Nguyễn Đình T theo quyết định tạm giam của Hội đồng xét xử, để đảm bảo thi hành án.

3. Về biện pháp tư pháp:

Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự và áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự;

Tịch thu sung vào công quỹ Nhà nước 01 xe mô tô có đặc điểm như sau:

- Biển số 60L1-2470;
- Loại xe: Hai bánh;
- Nhãn hiệu: Wave;
- Màu sơn: Xanh;
- Số khung: VAVDCH0G4AV004144 là số nguyên thủy;
- Số máy hiện tại: 007745 đã bị mài mòn đục lại, không xác định được số nguyên thủy.

Vật chứng trên đã được chuyển đến Phòng Thi hành án dân sự khu vực 10 - Đồng Nai, theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số: KV10/2026/029 ngày 05/01/2026.

4. Về án phí:

Bị cáo Nguyễn Đình T phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo và bị hại;
- Người bào chữa;
- Trại Tạm giam số 2;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Tòa án nhân dân khu vực 10 (2);
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10;
- Cơ quan Thi hành án hình sự - Công an tỉnh Đồng Nai;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Đồng Nai (PC02);
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 10;
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ - Công an tỉnh Đồng Nai;
- Ủy ban nhân dân và Công an xã Đồng Tâm, tỉnh Đồng Nai;
- Lưu: Hồ sơ vụ án và Văn phòng ⁽¹⁵⁾.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký và đóng dấu

Nguyễn Văn Thành